

**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH THEO TỪNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2025**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn)  
(Kèm theo Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 15/04/2025 của UBND xã Tà Lại)

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025					Quyết toán năm 2025					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: TTKL các năm trước	Trong đó			Tổng số	Trong đó: TTKL các năm trước	Trong đó			
						Nguồn NSTT	Nguồn NS xã (nguồn thường NTM)	Nguồn nhân dân đóng góp			Nguồn NSTT	Nguồn NS xã (nguồn thường NTM)	Nguồn nhân dân đóng góp	
1	2	3	4	5=7+8+9	6	7	8	9	10=12+13+14	11	12	13	14	15
	<b>Tổng số</b>		<b>52,329,479,000</b>	<b>8,655,759,000</b>	-	<b>6,274,625,000</b>	<b>97,597,000</b>	<b>2,283,537,000</b>	<b>6,301,393,415</b>	-	<b>4,754,168,315</b>	<b>49,759,000</b>	<b>1,497,466,100</b>	
<b>A</b>	<b>Chi trả sau quyết toán</b>		<b>34,654,495,000</b>	<b>944,028,000</b>	-	<b>445,524,000</b>	<b>97,597,000</b>	<b>400,907,000</b>	<b>722,479,200</b>	-	<b>420,645,960</b>	<b>49,759,000</b>	<b>252,074,240</b>	-
	<b>Công trình đường</b>		<b>32,516,479,000</b>	<b>791,327,000</b>	-	<b>397,845,000</b>	<b>97,597,000</b>	<b>295,885,000</b>	<b>636,492,000</b>	-	<b>397,845,000</b>	<b>49,759,000</b>	<b>188,888,000</b>	-
1	Đường liên ấp 2-3	Xã Tà Lại cũ	3,167,412,000	12,000,000				12,000,000	6,829,000				6,829,000	
2	Đường số 2 ấp 3	Xã Tà Lại cũ	2,502,146,000	4,850,000				4,850,000	4,850,000				4,850,000	
3	Đường ấp văn hóa	Xã Tà Lại cũ	2,419,000,000	28,796,000				28,796,000	28,796,000				28,796,000	
4	Đường đôi ấp 6	Xã Tà Lại cũ	5,839,000,000	11,500,000				11,500,000	11,500,000				11,500,000	
5	Đường số 2 ấp 3 (đoạn 2)	Xã Tà Lại cũ	3,892,921,000	18,900,000				18,900,000	18,900,000				18,900,000	
6	Đường 19-5 xã Tà Lại	Xã Tà Lại cũ	3,878,000,000	191,901,000		173,290,000		18,611,000	191,901,000		173,290,000		18,611,000	
7	Đường ấp 5 - 1 xã Tà Lại	Xã Tà Lại cũ	4,278,000,000	135,120,000				135,120,000	33,294,000				33,294,000	
8	Đường ấp 1 - 5 xã Tà Lại	Xã Tà Lại cũ	4,849,000,000	209,826,000		143,718,000		66,108,000	209,826,000		143,718,000		66,108,000	
9	Đường Láng Bò (đoạn 2)	Xã Tà Lại cũ	1,095,000,000	97,597,000			97,597,000		49,759,000			49,759,000		
10	Đường tổ 3 ấp 6 xã Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh cũ	596,000,000	80,837,000		80,837,000			80,837,000		80,837,000			
	<b>Công trình điện</b>		<b>2,138,016,000</b>	<b>152,701,000</b>	-	<b>47,679,000</b>	-	<b>105,022,000</b>	<b>85,987,200</b>	-	<b>22,800,960</b>	-	<b>63,186,240</b>	-
1	Tuyển hạ thế và trạm biến áp đường 19/5	Xã Tà Lại cũ	1,159,373,000	53,507,000		47,679,000		5,828,000	28,501,200		22,800,960		5,700,240	
2	Đường dây hạ thế và TBA 3x50KVA khu vực cư ấp 5 đi ấp 1 xã Tà Lại	Xã Tà Lại cũ	978,643,000	99,194,000				99,194,000	57,486,000				57,486,000	
<b>B</b>	<b>Công trình chuyên tiếp</b>		<b>9,028,811,000</b>	<b>928,391,000</b>	-	<b>427,419,000</b>	-	<b>500,972,000</b>	<b>800,780,000</b>	-	<b>351,272,000</b>	-	<b>449,508,000</b>	-
	<b>Công trình đường</b>		<b>9,028,811,000</b>	<b>928,391,000</b>	-	<b>427,419,000</b>	-	<b>500,972,000</b>	<b>800,780,000</b>	-	<b>351,272,000</b>	-	<b>449,508,000</b>	-
1	Đường Km11 và 4 cống ngang xã Phú Lập	Xã Phú Lập cũ	2,653,811,000	46,926,000				46,926,000	46,926,000				46,926,000	
2	Đường Nhà cộng đồng ấp 4	Xã Phú Lập cũ	989,000,000	467,719,000		427,419,000		40,300,000	351,272,000		351,272,000			
3	Đường tổ 5, tổ 8 ấp 1	Xã Phú Thịnh cũ	3,091,000,000	353,746,000				353,746,000	342,582,000				342,582,000	
4	Đường tổ 1, tổ 2 ấp 1	Xã Phú Thịnh cũ	2,295,000,000	60,000,000				60,000,000	60,000,000				60,000,000	

STT	Nội dung	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2025					Quyết toán năm 2025					Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: TTKL các năm trước	Trong đó			Tổng số	Trong đó: TTKL các năm trước	Trong đó			
						Nguồn NSTT	Nguồn NS xã (nguồn thưởng NTM)	Nguồn nhân dân đóng góp			Nguồn NSTT	Nguồn NS xã (nguồn thưởng NTM)	Nguồn nhân dân đóng góp	
1	2	3	4	5=7+8+9	6	7	8	9	10=12+13+14	11	12	13	14	15
<b>C</b>	<b>Công trình khởi công</b>		<b>8,646,173,000</b>	<b>6,783,340,000</b>	-	<b>5,401,682,000</b>	-	<b>1,381,658,000</b>	<b>4,778,134,215</b>	-	<b>3,982,250,355</b>	-	<b>795,883,860</b>	-
	<b>Công trình đường</b>		<b>5,123,446,000</b>	<b>3,473,227,000</b>	-	<b>2,583,623,000</b>	-	<b>889,604,000</b>	<b>1,961,744,615</b>	-	<b>1,611,905,355</b>	-	<b>349,839,260</b>	-
1	Đường số 4 ấp 6	Xã Phú Lập cũ	3,182,101,000	1,683,367,000		1,149,623,000		533,744,000	371,566,615		371,566,615			
2	Hẻm 21 đường số 3 ấp 2	Xã Phú Lập cũ	989,275,000	902,000,000		722,000,000		180,000,000	803,772,000		626,941,760		176,830,240	
3	Hẻm 21/2 đường số 3 ấp 2	Xã Phú Lập cũ	952,070,000	887,860,000		712,000,000		175,860,000	786,406,000		613,396,980		173,009,020	
	<b>Công trình điện</b>		<b>3,522,727,000</b>	<b>3,310,113,000</b>	-	<b>2,818,059,000</b>	-	<b>492,054,000</b>	<b>2,816,389,600</b>	-	<b>2,370,345,000</b>	-	<b>446,044,600</b>	-
1	Tuyển hạ thế tổ 10-11, ấp 4	Xã Tà Lài cũ	445,727,000	445,736,000		356,582,000		89,154,000	360,723,000		288,578,400		72,144,600	
2	Đường điện hạ thế tổ 6 ấp 3	Xã Phú Thịnh cũ	596,000,000	505,677,000		476,677,000		29,000,000	458,722,000		458,722,000			
3	Tuyển điện trung thế - TBA - hạ thế tổ 2 ấp 2	Xã Phú Thịnh cũ	2,481,000,000	2,358,700,000		1,984,800,000		373,900,000	1,996,944,600		1,623,044,600		373,900,000	